

NHÂN DẠH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Định
2. Ông Đặng Hoàng Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều TrAg là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thúy A, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Trần Chí N, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 14/6/2018 cũng như tại phiên tòa, chị Lâm Thúy A trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Lâm Thúy A và Ah Trần Chí N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 28/01/2004. Thời gian chung sống do không hợp nhau, vợ chồng thường hay cự cãi, mâu thuẫn kéo dài nên chị A và anh N đã ly thân từ tháng 5/2018 đến nay. Nay, chị A yêu cầu ly hôn với Ah N.

Về con chung: Chị A và anh N có 01 người con chung tên Trần Chí K, sinh ngày 27/7/2004, hiện con chung do chị A nuôi dạy. Khi ly hôn chị A yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung và yêu cầu Ah N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu qua điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện chị A và anh N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị A yêu cầu ly hôn với anh N. Do đó, áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị A và anh N được ly hôn. Con chung hiện chị A nuôi dạy nên cần giao chị A tiếp tục nuôi dạy là có cơ sở. Chị A yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tài sản chung, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quA hệ pháp luật trAh chấp: Chị Lâm Thúy A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Trần Chí N. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh N có hộ khẩu tại khóm 1, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tổng đạt hợp lệ cho anh N nhưng anh N không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của chị A và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho anh A nhưng anh A vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị A và anh N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 28/01/2004. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị A cho rằng thời gian chung sống giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quA điểm, hôn nhân không hạnh phúc nên chị A yêu cầu ly hôn với anh N. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời giA chung sống do bất đồng quan điểm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa chị A và anh N không đạt được nên Ah chị đã ly thân từ tháng 5/2018 đến nay mà không có thiện chí đoàn tụ. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để chị A và anh N có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh N vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Lâm Thúy A và anh Trần Chí N được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Cháu tên Trần Chí K, sinh ngày 27/7/2004. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, chị A yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu KhAg. Xét thấy, cháu K hiện chị A nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Quá

trình thụ lý, giải quyết Tòa án có thông báo cho anh N biết về yêu cầu của chị A nhưng anh N không có ý kiến. Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 14/6/2018 cháu Trần Chí K có yêu cầu nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị Lâm Thúy A. Xét thấy, đây là yêu cầu, sự tự nguyện của cháu và phù hợp theo quy định pháp luật. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu Trần Chí K cho chị A nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình.

Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, chị A yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Xét thấy, yêu cầu của chị A là phù hợp vì việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên; Hơn nữa anh N không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K theo quy định pháp luật bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản với số tiền là 695.000 đ/tháng (mức lương cơ bản hiện nay là 1.390.000đ/tháng) là phù hợp theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ah N không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng Ah có quyền, Na vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị A xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị A xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại đơn xác nhận ngày 14/6/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận không có ai yêu cầu về nợ đối với vợ chồng chị A, anh N tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thúy A, anh Trần Chí N phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lâm Thúy A và anh Trần Chí N được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Chí K, sinh ngày 27/7/2004 (giới tính nam) cho chị Lâm Thúy A tiếp tục nuôi dạy. Anh Trần Chí N có Na vụ cấp dưỡng nuôi cháu K theo quy định pháp luật bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản với số tiền là 695.000 đ (Sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng)/tháng (mức lương cơ bản hiện nay là 1.390.000đ/tháng) kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Anh N không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và chị A có đơn yêu cầu thi hành án mà anh N chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền nêu trên thì anh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thúy A phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 19 tháng 6 năm 2018 chị A có dự nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005548 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Chí N phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

-VKSND huyện Thới Bình;

-THADS huyện Thới Bình;

-TAD tỉnh Cà Mau;

-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Khoa